



Thủ tục quy trình:

**CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI
CHO SINH VIÊN**

Mã hiệu: QT01.03
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2022
Trang/tổng số trang: 1/6

BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI

TT	Lần sửa đổi	Trang	Nội dung thay đổi	Ngày thay đổi

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Quốc Tuấn	Trần Trung Vỹ
Ký tên			
Chức vụ	P.Trưởng phòng CTSV	Trưởng phòng CTSV	Phó Hiệu trưởng



Thủ tục quy trình:

**CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI
CHO SINH VIÊN**

Mã hiệu: QT01.03
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2022
Trang/tổng số trang: 2/6

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục quy trình này được xây dựng, thực hiện và duy trì để hướng dẫn việc:

- Thực hiện chế độ Trợ cấp xã hội cho sinh viên theo Quyết định số 1121/1997/QĐ -TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 28/8/1998, Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện chế độ Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên bộ Giáo dục và đào tạo-Bộ Tài chính; Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thủ tục quy trình này được áp dụng đối với sinh viên toàn trường thuộc các đối tượng:

*) Với chế độ Trợ cấp Xã hội

- HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao từ 03 năm trở lên
- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa
- HSSV là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế;
- HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập, gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

*) Với chế độ Hỗ trợ chi phí học tập: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ.

3. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

3.1. Định nghĩa:

*) Chế độ Trợ cấp Xã hội

Chế độ trợ cấp xã hội trong Thủ tục quy trình này là chế độ sinh viên được hưởng tiền trợ cấp xã hội bằng 140.000 đồng/người/tháng đối với những HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao từ 03 năm trở lên; 100.000 đồng/người/tháng đối với những HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập, gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

*) Chế độ Hỗ trợ chi phí học tập

Chế độ Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên trong Thủ tục quy trình này là chế độ sinh

	Không.			
4.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	SV nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận/tra hồ sơ. - Nếu Hồ sơ đạt yêu cầu thì chuyển bước 2. - Nếu chưa đủ hồ sơ thì lập phiếu bổ sung và SV thực hiện làm hồ sơ bổ sung - Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên CTSV	Giờ HC	Theo mục 4.2 M 01.03.01 M 01.03.02 M 01.03.03 M 01.03.04 M 01.03.05
B2	Thẩm định hồ sơ (1) Tổng hợp danh sách SV hưởng chế độ; (2) Dự thảo QĐ SV hưởng chế độ	Chuyên viên CTSV Chuyên viên CTSV	2 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09
B3	(1) Kiểm tra Bản dự thảo QĐ và Bảng tổng hợp Danh sách SV được hưởng chế độ - Nếu không đồng ý thì ghi phiếu chuyển lại Bước 2. - Nếu đồng ý, tiếp tục thực hiện quy trình của bước 3. (2) Gửi Bản Dự thảo Danh sách SV được chế độ tới các Khoa để SV rà soát lại	Lãnh đạo CTSV Lãnh đạo CTSV, Các Khoa	4 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09

	(3) Sinh viên trực tiếp rà soát lại thông tin của bản thân trong bảng Chế độ chính sách, phản hồi lại cho Khoa, Khoa phản hồi lại cho Phòng CTSV			
B4	(1) Nhận phản hồi từ các Khoa (2) Cập nhật, điều chỉnh bản dự thảo QĐ và Danh sách SV được hưởng chế độ, trình lãnh đạo Phòng	Chuyên viên CTSV	2 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09
B5	(1) Soạn thảo QĐ SV được hưởng chế độ Miễn giảm học phí và phiếu trình. (2) Gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính xác nhận và ký vào phiếu trình	Lãnh đạo CTSV	3 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09 M01.03.10
B6	Nhận ý kiến phản hồi từ Phòng Kế hoạch – Tài chính - Nếu không nhất trí thì quay lại Bước 5 - Nếu nhất trí thì Trình lãnh đạo trường	Lãnh đạo CTSV	1 ngày	M01.03.10
B7	Kiểm tra Phiếu trình - Nếu không đồng ý thì ghi phiếu chuyển lại Bước 5. - Nếu đồng ý, Ký duyệt QĐ hưởng chế độ cho SV	Lãnh đạo Trường	2 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09 M01.03.10
B8	Thông báo công khai QĐ trên Cổng thông tin điện tử của Trường, trên trang Web của Phòng CTSV	Chuyên viên CTSV	1 ngày	M01.03.06 M01.03.07 M01.03.08 M01.03.09



Thủ tục quy trình:

**CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI
CHO SINH VIÊN**

Mã hiệu: QT01.03
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2022
Trang/tổng số trang: 6/6

B9	Vào sổ theo dõi thực hiện chế độ chính sách cho SV	Chuyên viên CTSV		M01.03.11 M01.03.12 M01.03.13
4.8	Cơ sở pháp lí			
	*) Với chế độ Trợ cấp Xã hội - Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; - Quyết định số 1121/1997/QĐ -TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 28/8/1998, Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; - Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ. *) Với chế độ hỗ trợ chi phí học tập - Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên bộ Giáo dục và đào tạo-Bộ Tài chính; - Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;			

5. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	M01.03.01	Đơn xin được hưởng chế độ Trợ cấp xã hội
2	M01.03.02	Đơn xin được hưởng chế độ Hỗ trợ chi phí học tập
3	M01.03.03	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
4	M01.03.04	Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
5	M01.03.05	Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ
6	M01.03.06	Danh sách SV hưởng chế độ Trợ cấp xã hội
7	M01.03.07	Quyết định SV hưởng chế độ Trợ cấp xã hội
8	M01.03.08	Danh sách SV hưởng chế độ Hỗ trợ chi phí học tập
9	M01.03.09	Quyết định SV hưởng chế độ Hỗ trợ chi phí học tập



Thủ tục quy trình:

**CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI
CHO SINH VIÊN**

Mã hiệu: QT01.03
Ban hành lần thứ: 01
Hiệu lực từ ngày: .././2022
Trang/tổng số trang: 7/6

10	M01.03.10	Phiếu trình
11	M01.03.11	Phiếu theo dõi giải quyết công việc
12	M01.03.12	Sổ theo dõi kết quả giải Chế độ trợ cấp Xã hội
13	M01.03.13	Sổ theo dõi kết quả giải Chế độ Hỗ trợ chi phí học tập

6. HỒ SƠ LƯU

TT	Tên tài liệu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Các tài liệu theo mục 4.2	Phòng CTSV	04 năm
2	Quyết định SV được hưởng chế độ Trợ cấp xã hội; Quyết định SV được hưởng chế độ Hỗ trợ Chi phí học tập	Phòng CTSV	04 năm
3	Danh sách SV được hưởng chế độ Trợ cấp xã hội; Danh sách SV được hưởng chế độ Hỗ trợ Chi phí học tập	Phòng CTSV	04 năm
4	Sổ theo dõi chế độ Trợ cấp xã hội; Sổ theo dõi chế độ Hỗ trợ chi phí học tập.	Phòng CTSV	04 năm
5	Phiếu trình	Phòng CTSV	04 năm
Hồ sơ được lưu tại Phòng CTSV, thời gian lưu 04 năm. Sau khi hết hạn, hồ sơ được chuyển đến bộ phận lưu trữ của Trường.			